

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2025
Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Thịnh

Ông Đinh Văn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về “Ly hôn” theo Thông báo hoãn phiên tòa số: 549/2025/TB-TA ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mộng H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Bà H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn Ngọc, sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Tổ dân phố LS (nay là tổ dân phố HL), phường BN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Ông N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn N tự nguyện tìm hiểu, quen biết từ năm 2021 và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 30/9/2022.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về phong tục tập quán, vợ chồng không có tiếng nói chung nên dần ông bà không còn tình cảm. Bản thân bà nhiều lần khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuần ngày càng gay gắt hơn, không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Ngọc.

- Về con chung: Bà và ông Trần Văn N có 01 con chung Trần Mạnh K, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2022. Bà yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2025, bị đơn ông Trần Văn N trình bày:* Ông và bà H quen biết từ trước năm 2021, hai bên đã bàn bạc đến chuyện kết hôn nhưng sau đó ông bị tai nạn gãy chân nên bà H đã kết hôn với người khác. Đến năm 2021, bà H và chồng ly hôn; bà H quay lại với ông và ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long ngày 30/9/2022. Trong thời gian kết hôn, xảy ra dịch bệnh dẫn đến tình hình kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng mỗi người sống một nơi (ông sống tại thành phố Hồ Chí Minh, bà H sống tại Vĩnh Long). Ông làm đủ nghề ở thành phố Hồ Chí Minh rồi đem tiền về cho bà H sinh hoạt gia đình. Đến ngày 30/4/2024, ông phát hiện bà H có quan hệ với người đàn ông khác, ông có khuyên bà H từ bỏ nhưng bà H mắng chửi ông. Ông đến thăm con thì bà H cản trở. Hiện nay, ông không còn tình cảm với bà H nhưng bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý. Vì ông muốn con có đủ cha mẹ, có một gia đình hạnh phúc.

- Về con chung: Ông đồng ý với yêu cầu của bà H. Đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán và Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn” mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

[1.2.] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Mộng H và ông Trần Văn Nự nguyên tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 30/9/2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống với nhau một thời gian, bất đồng quan điểm sống, nguyên đơn, bị đơn không còn tình cảm với nhau nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn với bị đơn.

[2.2] *Về con chung:* Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Mạnh K, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2022. Ông N đồng ý. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu K dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao con chung chưa thành niên cho cho bà H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N đồng ý. Xét: Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đồng thời Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông N về việc ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà H. Do đó, căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung:* Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí:*

[3.1] Bà H phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về “Ly hôn”.

[3.2] Ông N phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về “Cấp dưỡng nuôi con”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4

Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng H được ly hôn ông Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Mạnh K, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho bà Trần Thị Mộng H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mộng H và ông Trần Văn N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí:

4.1. Bà Trần Thị Mộng H phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005116 ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C. Vậy, bà Trần Thị Mộng H đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Trần Văn N phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng về “Cấp dưỡng nuôi con”.

5. Quy định: Kể từ ngày bà Trần Thị Mộng H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Trần Văn N không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bà Trần Thị Mộng H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ. Ông Trần Văn N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p C;
- CCTHADS t.p C;
- UBND xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công